

Số: 03 /2018/NQ-HĐND

Bà Rịa-Vũng Tàu, ngày 29 tháng 3 năm 2018

NGHỊ QUYẾT

**Ban hành chính sách hỗ trợ lãi suất tín dụng phát triển sản xuất tại các xã
xây dựng nông thôn mới tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu, giai đoạn 2018-2020**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU
KHÓA VI, KỲ HỌP THỨ BẢY**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 100/2015/NQ-QH13 ngày 12 tháng 11 năm 2015 của Quốc hội Phê duyệt chủ trương đầu tư các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2016 -2020;

Căn cứ Nghị định số 55/2015/NĐ-CP ngày 09 tháng 6 năm 2015 của Chính phủ về chính sách tín dụng phục vụ phát triển nông nghiệp nông thôn;

Xét Tờ trình số 17/TTr-UBND ngày 08 tháng 3 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh về ban hành chính sách hỗ trợ lãi suất tín dụng phục vụ phát triển sản xuất các xã xây dựng nông thôn mới tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu giai đoạn 2018-2020; Báo cáo thẩm tra số 16/BC-KTNS ngày 27 tháng 3 năm 2018 của Ban Kinh tế-Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định về chính sách hỗ trợ lãi suất vay vốn đầu tư phát triển sản xuất cho cá nhân, hộ gia đình (gọi chung là người vay vốn) tại 45 xã thực hiện chương trình xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu. Nghị quyết này thực hiện trong giai đoạn 2018-2020.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Người vay vốn để đầu tư phát triển sản xuất, chế biến, kinh doanh trong lĩnh vực nông nghiệp, lâm nghiệp, diêm nghiệp, thủy sản, phát triển ngành nghề nông thôn. Người vay vốn có hộ khẩu thường trú hoặc sổ tạm trú dài hạn (KT3) tại 45 xã thực hiện chương trình xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

2. Người vay vốn được hỗ trợ lãi suất theo quy định của Nghị quyết này khi thực hiện vay vốn tại các chi nhánh ngân hàng đóng trên địa bàn tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, gồm:

- a) Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;
- b) Ngân hàng thương mại cổ phần Đầu tư và Phát triển;
- c) Ngân hàng thương mại cổ phần Công thương;
- d) Ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại thương;
- đ) Ngân hàng Chính sách xã hội.

3. Các cơ quan, tổ chức có liên quan.

4. Những đối tượng sau đây không được hưởng chính sách hỗ trợ lãi suất theo quy định của Nghị quyết này:

a) Người vay vốn cư trú ngoài địa bàn 45 xã thực hiện chương trình xây dựng nông thôn mới hoặc vay vốn tại các tổ chức tín dụng không thuộc quy định tại khoản 2 Điều này;

b) Hộ kinh doanh; chủ trang trại; tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã; doanh nghiệp theo quy định tại Điều 2 Nghị định 55/2015/NĐ-CP ngày 09 tháng 06 năm 2015 của Chính phủ về chính sách tín dụng phục vụ phát triển nông nghiệp nông thôn không thuộc đối tượng áp dụng của chính sách này.

Điều 3. Điều kiện và nguyên tắc hỗ trợ lãi suất

1. Điều kiện hỗ trợ lãi suất

a) Người vay vốn trực tiếp đi vay vốn, sử dụng và quản lý vốn vay được hỗ trợ lãi suất trong các lĩnh vực trồng trọt, chăn nuôi, thủy sản, lâm nghiệp và đầu tư phát triển ngành nghề nông thôn theo danh mục quy định tại Phụ lục kèm theo Nghị quyết này;

b) Các phương án sản xuất, kinh doanh được đầu tư từ nguồn vốn vay tín dụng của các ngân hàng thương mại;

c) Người vay vốn phải đảm bảo điều kiện: Vay vốn theo quy chế cho vay của tổ chức tín dụng đối với khách hàng theo quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam; sử dụng vốn vay đúng mục đích và trả nợ gốc, lãi theo đúng thỏa thuận với tổ chức tín dụng;

d) Hợp đồng tín dụng có thực hiện hỗ trợ lãi suất theo chính sách này là các hợp đồng chưa được hỗ trợ lãi suất từ các chính sách khác;

đ) Các dự án, phương án đầu tư sản xuất kinh doanh phải phù hợp với quy hoạch, định hướng phát triển của địa phương và được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt;

e) Thực hiện đầy đủ trình tự, thành phần hồ sơ theo quy định.

2. Nguyên tắc hỗ trợ lãi suất

- a) Đối với các khoản nợ gốc trả nợ trước hạn, mức hỗ trợ lãi suất được tính theo thời hạn thực vay của khoản vay đó theo Hợp đồng tín dụng đã ký;
- b) Không hỗ trợ lãi suất đối với các khoản nợ gốc quá hạn, nợ gốc được gia hạn nợ. Thời gian không hỗ trợ lãi suất tính từ ngày quá hạn hoặc gia hạn nợ;
- c) Đối với các khoản vay được khoan nợ thì thời gian khoan nợ không được tính vào thời hạn thực vay để tính hỗ trợ lãi suất;
- d) Việc hỗ trợ lãi suất phải đảm bảo công khai, minh bạch, công bằng cho người dân và không vượt quá nguồn vốn được giao hằng năm;
- đ) Nghiêm cấm các trường hợp cho vay đảo nợ, sử dụng vốn sai mục đích.

Điều 4. Nội dung hỗ trợ lãi suất

1. Hỗ trợ 50% lãi suất của các ngân hàng thương mại cho các khách hàng vay vốn tại các xã thực hiện chương trình xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu vay vốn để đầu tư phát triển sản xuất, chế biến, kinh doanh trong lĩnh vực nông nghiệp, lâm nghiệp, diêm nghiệp, thủy sản, phát triển ngành nghề nông thôn.
2. Người vay vốn chỉ được hỗ trợ lãi suất vốn vay một lần thuộc chính sách này, mức vốn vay được hỗ trợ lãi suất không quá 200 triệu đồng.
3. Lãi suất để tính hỗ trợ lãi vay là lãi suất áp dụng đối với khoản vay ghi trên hợp đồng tín dụng theo từng thời điểm của các ngân hàng thương mại cho vay hỗ trợ lãi suất.
4. Danh mục, thời gian tối đa được hỗ trợ lãi suất của từng đối tượng, lĩnh vực cụ thể được quy định tại phụ lục kèm theo Nghị quyết này.
5. Thời gian thực hiện chính sách hỗ trợ lãi suất được áp dụng từ ngày Nghị quyết này có hiệu lực thi hành đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2020.

Điều 5. Quy trình, thủ tục hỗ trợ lãi suất

1. Khách hàng vay vốn thực hiện các hồ sơ, thủ tục theo quy định và hướng dẫn của tổ chức cho vay.
2. Tại Ủy ban nhân dân các xã xây dựng nông thôn mới
 - a) Người vay vốn cung cấp hồ sơ gồm: hợp đồng tín dụng (đối với hợp đồng kể từ ngày Nghị quyết này có hiệu lực), phương án sản xuất, kinh doanh, hộ khẩu và giấy tờ có liên quan và làm đơn đề nghị vay vốn hỗ trợ lãi suất gửi Ủy ban nhân dân các xã;
 - b) Trước ngày 15 hàng tháng, Ủy ban nhân dân xã tổng hợp người vay vốn có nhu cầu vay vốn hỗ trợ lãi suất và rà soát nội dung của các phương án sản xuất phù hợp với chính sách phát triển nông nghiệp, quy hoạch nông nghiệp và đề án xây dựng nông thôn mới. Ban quản lý xây dựng nông thôn mới chủ trì, phối hợp với tổ chức đoàn thể địa phương và ban phát triển thôn, ấp xác minh tính chính xác, thực tế, lập báo cáo đánh giá kèm hồ sơ trình Hội đồng thẩm định cấp huyện.

3. Tại Hội đồng thẩm định cấp huyện

Ủy ban nhân dân cấp huyện thành lập Hội đồng thẩm định hỗ trợ lãi suất tín dụng để đầu tư phát triển sản xuất tăng thu nhập cho người dân tại các xã xây dựng nông thôn mới.

Trong thời gian 08 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ từ Ủy ban nhân dân xã, Hội đồng thẩm định phải tổ chức thẩm định, họp thông qua báo cáo đánh giá của Ủy ban nhân dân xã, tham mưu trình Ủy ban nhân dân cấp huyện xem xét phê duyệt.

4. Tại Ủy ban nhân dân cấp huyện

a) Trong thời gian 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đề nghị xem xét phê duyệt của Hội đồng thẩm định cấp huyện, căn cứ vào nguồn vốn đã được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt, hợp đồng tín dụng của khách hàng vay vốn, Ủy ban nhân dân cấp huyện xem xét phê duyệt danh sách được hỗ trợ lãi suất và kinh phí hỗ trợ lãi suất theo quy định;

b) Căn cứ vào kết quả thẩm định của Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân các xã thông báo các quyết định phê duyệt phương án vay hỗ trợ lãi suất của cơ quan có thẩm quyền đến người dân trong xã;

c) Căn cứ quyết định phê duyệt của Ủy ban nhân dân cấp huyện, các cá nhân, hộ gia đình được hỗ trợ lãi suất ra kho bạc nhà nước cấp huyện để nhận kinh phí phân ngân sách hỗ trợ theo định kỳ 3 tháng hoặc định kỳ thời gian cụ thể do Hội đồng thẩm định của huyện xem xét, đề xuất Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định phù hợp với định kỳ trả lãi của người dân trong hợp đồng tín dụng. Thời gian được hỗ trợ lãi suất được tính từ ngày có quyết định phê duyệt của Ủy ban nhân dân cấp huyện;

Người dân chuẩn bị hồ sơ thanh toán phần kinh phí lãi suất được ngân sách hỗ trợ gồm: Quyết định hỗ trợ lãi suất của cấp có thẩm quyền; Hợp đồng vay vốn; Chứng từ thanh toán nợ vay gốc và lãi (hoặc lãi) của ngân hàng cho vay.

Điều 6. Kinh phí thực hiện

1. Nguồn vốn thực hiện hỗ trợ lãi suất cho người vay vốn: Từ nguồn ngân sách cấp tỉnh.

2. Tổng kinh phí dự kiến để thực hiện chính sách hỗ trợ lãi suất tín dụng phục vụ phát triển sản xuất tại các xã xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu giai đoạn 2018-2020 là: 127,479 tỷ đồng (bằng chữ: Một trăm hai mươi bảy tỷ bốn trăm bảy mươi chín triệu đồng), trong đó phân kỳ nguồn vốn thực hiện hỗ trợ lãi suất hàng năm cụ thể như sau:

- Năm 2018: 40,530 tỷ đồng.
- Năm 2019: 42,887 tỷ đồng.
- Năm 2020: 44,062 tỷ đồng.

3. Kinh phí hỗ trợ lãi suất của các dự án, phương án phát triển sản xuất, kinh doanh được ngân sách cấp tỉnh bổ sung có mục tiêu cho ngân sách các huyện, thành phố Bà Rịa theo phương án phân bổ hàng năm.

4. Kho bạc nhà nước huyện, thành phố Bà Rịa thực hiện chi trả trực tiếp phần ngân sách hỗ trợ lãi suất cho người vay vốn theo các quyết định được phê duyệt của Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố Bà Rịa.

Điều 7. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết này.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Điều 8. Điều khoản thi hành

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu Khóa VI, Kỳ họp thứ Bảy thông qua ngày 29 tháng 3 năm 2018 và có hiệu lực từ ngày 07 tháng 4 năm 2018./.

Nơi nhận:

- UBND Quốc hội; Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tư pháp (Cục Kiểm tra văn bản);
- Bộ Nông nghiệp và PTNT; Bộ Tài chính;
- TTr.Tỉnh ủy; Đoàn ĐBQH tỉnh;
- TTr.HĐND tỉnh; UBND tỉnh; UBND TTQ tỉnh;
- Các Ban HĐND tỉnh; đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- TTr.HĐND và UBND huyện, thành phố;
- Trung tâm Công báo-Tin học tỉnh;
- Website HĐND tỉnh;
- Báo Bà Rịa-Vũng Tàu, Đài PTTH tỉnh;
- Lưu: VT, TH.

CHỦ TỊCH



Nguyễn Hồng Lĩnh

PHỤ LỤC

Danh mục đối tượng, thời gian tối đa thực hiện hỗ trợ lãi suất thuộc chính sách hỗ trợ lãi suất tín dụng phục vụ phát triển sản xuất tại các xã xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu giai đoạn 2018-2020.
(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 03/2018/NQ-HĐND ngày 29 tháng 3 năm 2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu).

Stt	Đối tượng được vay Hỗ trợ lãi suất	Thời gian hỗ trợ lãi suất	Định mức Hỗ trợ lãi suất (% HTLS)
A	Đối tượng cây con		
I	Lĩnh vực trồng trọt		
1	Trồng cây công nghiệp dài ngày (tiêu, điều, cà phê, cao su, ca cao...)	Tối đa 24 tháng	50%
2	Trồng cây công nghiệp ngắn ngày (mía, lạc đậu tương...)	Tối đa 12 tháng	50%
3	Trồng cây lương thực (lúa, bắp, sắn...)	Tối đa 12 tháng	50%
4	Trồng các loại rau màu	Tối đa 12 tháng	50%
5	Trồng cây hoa kiểng (Hoa lan, hoa nhài, kiểng lá...)	Tối đa 24 tháng.	50%
6	Trồng cây ăn trái. (Bưởi da xanh, Thanh long ruột đỏ, Nhãn xoong cơm vàng, xoài, chôm chôm, quýt, măng cầu, sầu riêng...)	Tối đa 24 tháng.	50%
7	Trồng cỏ phục vụ chăn nuôi	Tối đa 12 tháng	50%
II	Lĩnh vực chăn nuôi		
1	Chăn nuôi heo		
	- Chăn nuôi heo thịt	Tối đa 12 tháng	50%
	- Chăn nuôi heo nái	Tối đa 24 tháng	50%

Stt	Đối tượng được vay Hỗ trợ lãi suất	Thời gian hỗ trợ lãi suất	Định mức Hỗ trợ lãi suất (ĐM HTLS)
2	Chăn nuôi trâu, bò	Tối đa 24 tháng	50%
3	Chăn nuôi bò sữa	Tối đa 24 tháng	50%
4	Chăn nuôi gia cầm (gà, ngan, vịt...)	Tối đa 12 tháng	50%
5	Chăn nuôi khác (cá sấu, trăn, rắn, kỳ nhông, thỏ, dê, lươn...)	Tối đa 12 tháng	50%
III	Lĩnh vực Thủy sản		
1	Nuôi thủy sản (nước lợ, nước mặn, nước ngọt, nhuyễn thể...)	Tối đa 12 tháng	50%
2	Nuôi thủy đặc sản (cua, lươn, ếch, ba ba, cá chình, cá dứa...)	Tối đa 12 tháng	50%
3	Nuôi Cá cảnh	Tối đa 12 tháng	50%
IV	Lĩnh vực lâm nghiệp		
1	Ươm giống cây lâm nghiệp	Tối đa 12 tháng	50%
B	Các hạng mục đầu tư		
I	Đầu tư xây dựng cơ bản		
1	Trồng trọt: Cải tạo đồng ruộng, nhà kính, nhà lưới	Tối đa 24 tháng	50%
2	Chăn nuôi: xây mới cải tạo chuồng trại, xây hầm biogas	Tối đa 24 tháng	50%
3	Thủy sản: Đào ao, cải tạo ao	Tối đa 24 tháng	50%

Stt	Đối tượng được vay Hỗ trợ lãi suất	Thời gian hỗ trợ lãi suất	Định mức Hỗ trợ lãi suất (ĐM HTLS)
4	Bảo quản và chế biến nông sản: Nhà sơ chế, kho bảo quản	Tối đa 24 tháng	50%
5	Xe tải, xe chuyên dùng	Tối đa 24 tháng	50%
6	Thủy lợi, điện phục vụ trồng trọt, thủy sản, diêm nghiệp	Tối đa 24 tháng	50%
II	Mua máy móc phục vụ nông nghiệp		
1	Các loại máy móc thiết bị phục vụ sản xuất, thu hoạch, sơ chế, chế biến, bảo quản sản phẩm nông lâm ngư diêm nghiệp và ngành nghề nông thôn:	Tối đa 24 tháng	50%
2	Trồng trọt: máy làm đất, hệ thống tưới, máy bón phân, máy phun thuốc, máy thu hoạch, máy gieo cấy.	Tối đa 24 tháng	50%
3	Chăn nuôi: hệ thống cho ăn, vắt sữa, bảo quản sữa, xử lý chất thải, làm mát, máy xay, máy ép, máy nghiền, máy trộn thức ăn, máy bơm điện	Tối đa 24 tháng	50%
4	Thủy sản: hệ thống cho ăn tự động, máy sục khí, hệ thống xử lý nước, hệ thống cung cấp oxy	Tối đa 24 tháng	50%
5	Bảo quản, sơ chế, chế biến sản phẩm nông nghiệp: dây chuyền sơ chế, hệ thống làm lạnh, làm mát, bao đóng gói	Tối đa 24 tháng	50%
6	Các loại máy móc thiết bị cơ khí phục vụ cho ngành nghề nông thôn	Tối đa 24 tháng	50%

Stt	Đối tượng được vay Hỗ trợ lãi suất	Thời gian hỗ trợ lãi suất	Định mức Hỗ trợ lãi suất (ĐM HTLS)
C	Sản xuất nông nghiệp theo tiêu chuẩn		
	Sản xuất nông nghiệp theo tiêu chuẩn được cấp có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận: Trong lĩnh vực trồng trọt, chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản.	Tối đa 24 tháng	50%
D	Ngành nghề nông thôn		
	Phát triển các ngành nghề sử dụng các sản phẩm, phụ phẩm từ nông nghiệp, nông thôn: làm muối, đan lát, nuôi và chế biến da cá sấu, làm bánh tráng, bún, trồng nấm, sinh vật cảnh, làm chậu phục vụ sản xuất hoa cây kiểng, sơn mài, hoa giả...	Tối đa 12 tháng	50%